



TRƯỜNG MARIE CURIE

ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 6

NĂM HỌC: 2022 - 2023

Môn thi: Toán – Mã đề: 123

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1. Tích sau có tận cùng bao nhiêu chữ số 0 ?

$$23 \times 24 \times 25 \times 26 \times 27 \times 28 \times 29 \times 30 \times 31 \times 32$$

- A. 4 chữ số 0. B. 1 chữ số 0. C. 3 chữ số 0. D. 2 chữ số 0.

Câu 2. Quãng đường AB dài 180km. Một ô tô đi $\frac{1}{6}$ quãng đường AB hết 35 phút, trên quãng đường còn lại ô tô đi với vận tốc 40 km/giờ. Hỏi ô tô đi hết quãng đường AB trong bao lâu?

- A. 4 giờ 20 phút. B. 3 giờ 45 phút. C. 1 giờ 10 phút. D. 45 phút.

Câu 3. Một hình bình hành có độ dài đáy bằng 24 cm, chiều cao bằng $\frac{3}{8}$ độ dài đáy. Diện tích của hình bình hành đó là

- A. 216cm². B. 108cm². C. 9cm². D. 216cm.

Câu 4. Số đo thể tích nào lớn nhất trong các số đo dưới đây?

- A. 6,407m³. B. 6047 lít. C. 6 $\frac{4}{7}$ m³. D. 6470000cm³.

Câu 5. Hiệu số tuổi của bố và con là 30 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tuổi bố là

- A. 6 tuổi. B. 10 tuổi. C. 24 tuổi. D. 40 tuổi.

Câu 6. Một hình thang có đáy lớn là a , đáy bé là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo) thì công thức tính diện tích S của hình thang đó là

- A. $S = \frac{a+b \times h}{2}$. B. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$. C. $S = (a+b) \times 2 \times h$. D. $S = \frac{a \times h}{2}$.

Câu 7. Hình hộp chữ nhật có ... mặt, ... cạnh, ... đỉnh. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm là

- A. 6; 12; 8. B. 8; 12; 6. C. 6; 8; 12. D. 12; 6; 8.

Câu 8. Biết 1m³ nước bằng 1000 lít nước và mỗi chai nước chứa 0,75dm³ nước. Hỏi một bể chứa 2250 lít nước có thể đóng vào bao nhiêu chai nước nói trên?

- A. 300 chai. B. 3000 lít. C. 30000 chai. D. 3000 chai.

Câu 9. Cho ba chữ số 2; 3; 5. Có bao nhiêu số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5 được tạo thành từ ba chữ số trên?

- A. 9 số. B. 7 số. C. 2 số. D. 6 số.

Câu 10. Diện tích hình tam giác có độ dài đáy 4,7 dm và chiều cao 35cm là

- A. 16,45cm². B. 8,225dm². C. 82,25dm². D. 82,25cm².

- Câu 11.** Tỉ số phần trăm của 9 và 20 là
A. 0,45%. B. 45%. C. 4,5%. D. 45.
- Câu 12.** Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là
A. 9870. B. 9876. C. 9873. D. 9999.
- Câu 13.** Trường hợp nào dưới đây làm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40% ?
A. Giảm chiều rộng đi 15%, giảm chiều dài đi 25%.
B. Giảm chiều rộng đi 25%, giảm chiều dài đi 15%.
C. Giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài.
D. Cùng giảm chiều dài và chiều rộng đi 20%.
- Câu 14.** Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $56\text{g} = \dots\text{kg}$ là
A. 5,6. B. 56000. C. 0,056. D. 0,56.
- Câu 15.** Phân số $\frac{25}{8}$ viết dưới dạng phân số thập phân là
A. 3,125. B. $\frac{31250}{10000}$. C. 312,5%. D. $\frac{100}{32}$.
- Câu 16.** Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn đó gấp lên số lần là
A. 3,5 lần. B. 12,25 lần. C. 14 lần. D. 7 lần.
- Câu 17.** Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm để $32,\dots8 < 32,18$ là
A. 8. B. 4. C. 9. D. 0.
- Câu 18.** Cho một số tự nhiên gồm các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 2021 được viết theo thứ tự liên nhau như sau: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15...2019 2020 2021. Tính tổng của tất cả các chữ số đó.
A. 27851. B. 27850. C. 28149. D. 28150.
- Câu 19.** Tuổi trung bình của cô giáo và 29 học sinh là 12 tuổi. Biết tuổi của cô giáo nhiều hơn tuổi trung bình của 29 học sinh là 30 tuổi. Tính tuổi của cô giáo.
A. 41 tuổi. B. 33 tuổi. C. 36 tuổi. D. 30 tuổi.
- Câu 20.** Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh bằng 2,6dm là
A. $6,76\text{dm}^3$. B. $40,56\text{dm}^3$. C. 17576dm^3 . D. $17,576\text{dm}^3$.
- Câu 21.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 560m, chiều rộng bằng 250m. Tính chu vi của mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000.
A. 0,81m. B. 0,162m. C. 162cm. D. 81cm.
- Câu 22.** Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số, số đó thay đổi như thế nào?
A. gấp 100 lần. B. gấp 10 lần. C. giảm 100 lần. D. giảm 10 lần.
- Câu 23.** Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là
A. 3,046. B. 0,346. C. 3,406. D. 3,46.
- Câu 24.** Tìm x , biết $4 \times x = 7$ giờ 40 phút.
A. $x = 155$ phút. B. $x = 29$ giờ 40 phút.
C. $x = 1$ giờ 55 phút. D. $x = 1$ giờ 15 phút.

Câu 25. Một người thợ may 5 cái quần hết 4 giờ và may 5 cái áo hết 3 giờ 20 phút. Thời gian trung bình để may mỗi bộ quần áo như vậy là

- A. 44 phút. B. 7 giờ 20 phút. C. 1 giờ 28 phút. D. 1 giờ 4 phút.

Câu 26. Đổi $50326\text{m}^2 = \dots \text{ha} \dots \text{m}^2$, ta được kết quả là

- A. $503\text{ha} 26\text{m}^2$. B. $5\text{ha} 326\text{m}^2$. C. $5\text{ha} 3260\text{m}^2$. D. $50\text{ha} 326\text{m}^2$.

Câu 27. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $276 \text{ phút} = \dots \text{ giờ}$ là

- A. 4,06. B. 16560. C. 2,36. D. 4,6.

Câu 28. Dãy số thập phân nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

- A. 9,697; 9,769; 9,796; 9,976. B. 8,697; 8,769; 8,976; 8,967.
C. 13,097; 13,079; 13,907; 13,709. D. 45,326; 45,336; 43,999; 46,73.

Câu 29. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài, chiều rộng, chiều cao lần lượt là 4,5 cm; 3,5 cm; 2,8 cm.

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là

- A. $76,3\text{cm}^2$. B. $44,8\text{cm}^2$. C. $31,5\text{cm}^2$. D. $22,4\text{cm}^2$.

Câu 30. Phân số $\frac{18}{7}$ bằng hỗn số nào dưới đây?

- A. $2\frac{4}{7}$. B. $1\frac{1}{7}$. C. $2\frac{3}{7}$. D. $2\frac{2}{7}$.

Câu 31. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $\frac{2}{5}\text{km} = \dots\text{m}$ là

- A. 40. B. 400. C. 0,4. D. 25.

Câu 32. 250% bằng

- A. $\frac{25}{1000}$. B. $\frac{25}{100}$. C. $2\frac{1}{20}$. D. $2\frac{1}{2}$.

Câu 33. Biết $\frac{2}{5}$ chiều dài của một mảnh đất hình chữ nhật là 10m, chiều dài hơn chiều rộng 7m. Diện tích của hình chữ nhật đó là

- A. 450m^2 . B. 44m^2 . C. 800m^2 . D. 28m^2 .

Câu 34. Biết 12 người làm xong một công việc trong 8 ngày. Hỏi muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày cần bao nhiêu người? (mức làm của mỗi người như nhau)

- A. 24 ngày. B. 6 ngày. C. 6 người. D. 24 người.

Câu 35. Phát biểu nào dưới đây **sai**?

- A. Mọi phân số có tử số bằng mẫu số đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
B. Mọi phân số có mẫu số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
C. Mọi phân số có tử số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
D. Phân số có tử số bằng 0 nhận giá trị bằng 0.

Câu 36. Một vận động viên chạy được 576m trong 1 phút 36 giây. Vận tốc chạy của vận động viên đó là

- A. 6m. B. 6 m/phút. C. 6 m/giây. D. 6 km/giờ.

Câu 37. Mua 12 chiếc bút chì phải trả 54 000 đồng. Mua 5 chiếc bút chì như vậy phải trả số tiền là

- A. 22500 đồng. B. 20500 đồng. C. 27000 đồng. D. 45000 đồng.

Câu 38. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 2,4m, chiều rộng bằng 1,5m, chiều cao bằng 1,2m. Khi bể chứa đầy nước, người ta tháo ra $1,5\text{m}^3$ nước. Hỏi sau khi tháo, trong bể còn lại bao nhiêu mét khối nước?

- A. $2,82\text{dm}^3$. B. $2,82\text{m}^3$. C. $4,32\text{m}^3$. D. $5,82\text{m}^3$.

Câu 39. Năm nay mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi 10 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

- A. 48 tuổi. B. 28 tuổi. C. 18 tuổi. D. 38 tuổi.

Câu 40. Số thập phân 0,36 viết thành phân số tối giản là

- A. $\frac{18}{5}$. B. $\frac{18}{50}$. C. $\frac{9}{25}$. D. $\frac{9}{20}$.

----- HẾT -----



ON THI
123

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ON THI
123



TRƯỜNG MARIE CURIE

ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 6

NĂM HỌC: 2022 - 2023

Môn thi: Toán – Mã đề: 123

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1. Tích sau có tận cùng bao nhiêu chữ số 0 ?

$$23 \times 24 \times 25 \times 26 \times 27 \times 28 \times 29 \times 30 \times 31 \times 32$$

- A. 4 chữ số 0. B. 1 chữ số 0. C. 3 chữ số 0. D. 2 chữ số 0.

Lời giải

Tích hai thừa số 24×25 có tận cùng là 2 chữ số 0.

Do đó tích đã cho có tận cùng là 3 chữ số 0.

Chọn C.

Câu 2. Quãng đường AB dài 180km. Một ô tô đi $\frac{1}{6}$ quãng đường AB hết 35 phút, trên quãng đường còn lại ô tô đi với vận tốc 40 km/giờ. Hỏi ô tô đi hết quãng đường AB trong bao lâu?

- A. 4 giờ 20 phút. B. 3 giờ 45 phút. C. 1 giờ 10 phút. D. 45 phút.

Lời giải

$$\frac{1}{6} \text{ quãng đường AB dài là } 180 \times \frac{1}{6} = 30 \text{ (km).}$$

Thời gian ô tô đi hết quãng đường còn lại là $(180 - 30) : 40 = 3,75$ giờ = 3 giờ 45 phút.

Ô tô đi hết quãng đường AB hết thời gian là 3 giờ 45 phút + 35 phút = 4 giờ 20 phút.

Chọn A.

Câu 3. Một hình bình hành có độ dài đáy bằng 24 cm, chiều cao bằng $\frac{3}{8}$ độ dài đáy. Diện tích của hình bình hành đó là

- A. 216 cm^2 . B. 108 cm^2 . C. 9 cm^2 . D. 216 cm.

Lời giải

$$\text{Chiều cao của hình bình hành là } 24 \times \frac{3}{8} = 9 \text{ (cm).}$$

$$\text{Diện tích của hình bình hành là } 24 \times 9 = 216 \text{ (cm}^2\text{).}$$

Chọn A.

Câu 4. Số đo thể tích nào lớn nhất trong các số đo dưới đây?

- A. $6,407 \text{ m}^3$. B. 6047 lít. C. $6\frac{4}{7} \text{ m}^3$. D. 6470000 cm^3 .

Lời giải

$$\text{Ta có } 6,407 \text{ m}^3 = 6407 \text{ lít} = 6\,407\,000 \text{ cm}^3.$$

Mà $6\frac{4}{7}\text{m}^3 > 6\frac{4}{8}\text{m}^3 = 6,5\text{m}^3$ nên $6\frac{4}{7}\text{m}^3$ là số đo thể tích lớn nhất.

Chọn C.

Câu 5. Hiệu số tuổi của bố và con là 30 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tuổi bố là

- A. 6 tuổi. B. 10 tuổi. C. 24 tuổi. D. 40 tuổi.

Lời giải

Tuổi bố là $30 : (4 - 1) \times 4 = 40$ (tuổi).

Chọn D.

Câu 6. Một hình thang có đáy lớn là a , đáy bé là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo) thì công thức tính diện tích S của hình thang đó là

- A. $S = \frac{a+b \times h}{2}$. B. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$. C. $S = (a+b) \times 2 \times h$. D. $S = \frac{a \times h}{2}$.

Lời giải

Một hình thang có đáy lớn là a , đáy bé là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo) thì công thức tính diện

tích S của hình thang đó là $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$.

Chọn B.

Câu 7. Hình hộp chữ nhật có ... mặt, ... cạnh, ... đỉnh. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm là

- A. 6; 12; 8. B. 8; 12; 6. C. 6; 8; 12. D. 12; 6; 8.

Lời giải

Hình hộp chữ nhật có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.

Chọn A.

Câu 8. Biết 1m^3 nước bằng 1000 lít nước và mỗi chai nước chứa $0,75\text{dm}^3$ nước. Hỏi một bể chứa 2250 lít nước có thể đóng vào bao nhiêu chai nước nói trên?

- A. 300 chai. B. 3000 lít. C. 30000 chai. D. 3000 chai.

Lời giải

Đổi $0,75\text{dm}^3 = 0,75$ lít.

Bể chứa 2250 lít nước có thể đóng vào số chai là $2250 : 0,75 = 3000$ (chai).

Câu 9. Cho ba chữ số 2; 3; 5. Có bao nhiêu số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5 được tạo thành từ ba chữ số trên?

- A. 9 số. B. 7 số. C. 2 số. D. 6 số.

Lời giải

Các số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5 lập được từ các chữ số 2; 3; 5 là

555; 225; 335; 235; 325; 255; 525; 355; 535.

Vậy có 9 số thỏa mãn yêu cầu.

Chọn A.

Câu 10. Diện tích hình tam giác có độ dài đáy 4,7 dm và chiều cao 35 cm là

- A. 16,45 cm². B. 8,225 dm². C. 82,25 dm². D. 82,25 cm².

Lời giải

Đổi 35 cm = 3,5 dm.

Diện tích tam giác là $4,7 \times 3,5 : 2 = 8,225$ (dm²).

Chọn B.

Câu 11. Tỉ số phần trăm của 9 và 20 là

- A. 0,45%. B. 45%. C. 4,5%. D. 45.

Lời giải

Tỉ số phần trăm của 9 và 20 là $9 : 20 \times 100\% = 45\%$.

Chọn B.

Câu 12. Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là

- A. 9870. B. 9876. C. 9873. D. 9999.

Lời giải

Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là 9873.

Chọn C.

Câu 13. Trường hợp nào dưới đây làm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40% ?

- A. Giảm chiều rộng đi 15%, giảm chiều dài đi 25%.
B. Giảm chiều rộng đi 25%, giảm chiều dài đi 15%.
C. Giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài.
D. Cùng giảm chiều dài và chiều rộng đi 20%.

Lời giải

Giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài sẽ làm giảm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40%.

Chọn C.

Câu 14. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $56\text{g} = \dots\text{kg}$ là

- A. 5,6. B. 56000. C. 0,056. D. 0,56.

Lời giải

Ta có $56\text{g} = 0,056\text{kg}$.

Chọn C.

Câu 15. Phân số $\frac{25}{8}$ viết dưới dạng phân số thập phân là

- A. 3,125. B. $\frac{31250}{10000}$. C. 312,5%. D. $\frac{100}{32}$.

Lời giải

Ta có $\frac{25}{8} = \frac{25 \times 125}{8 \times 125} = \frac{3125}{1000} = \frac{31250}{10000}$.

Chọn B.

Câu 16. Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn đó gấp lên số lần là

- A. 3,5 lần. B. 12,25 lần. C. 14 lần. D. 7 lần.

Lời giải

Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn đó gấp lên 3,5 lần.

Chọn A.

Câu 17. Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm để $32, \dots 8 < 32,18$ là

- A. 8. B. 4. C. 9. D. 0.

Lời giải

Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm là 0.

Chọn D.

Câu 18. Cho một số tự nhiên gồm các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 2021 được viết theo thứ tự liên nhau như sau: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15...2019 2020 2021. Tính tổng của tất cả các chữ số đó.

- A. 27851. B. 27850. C. 28149. D. 28150.

Lời giải

Nhận xét: Các cặp số:

- 0 và 1999 có tổng các chữ số là $0 + 1 + 9 + 9 + 9 = 28$.
- 1 và 1998 có tổng các chữ số là $1 + 1 + 9 + 9 + 8 = 28$.
- 2 và 1997 có tổng các chữ số là $2 + 1 + 9 + 9 + 7 = 28$.
-
- 998 và 1001 có tổng các chữ số là $9 + 9 + 8 + 1 + 1 = 28$.
- 999 và 1000 có tổng các chữ số là $9 + 9 + 9 + 1 = 28$.

Như vậy trong dãy số 0; 1; 2; 3; ...; 1998; 1999 hai số hạng cách đều số hạng đầu và số hạng cuối đều có tổng bằng 28.

Có 1000 cặp như vậy, do đó tổng các chữ số tạo nên dãy số trên là $28 \times 1000 = 28000$.

Tổng tất cả các chữ số để viết các số từ 2000 đến 2021 là

$$2 \times 22 + 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 2 + 3 = 149.$$

Vậy tổng của tất cả các chữ số là $28000 + 149 = 28149$.

Chọn C.

Câu 19. Tuổi trung bình của cô giáo và 29 học sinh là 12 tuổi. Biết tuổi của cô giáo nhiều hơn tuổi trung bình của 29 học sinh là 30 tuổi. Tính tuổi của cô giáo.

- A. 41 tuổi. B. 33 tuổi. C. 36 tuổi. D. 30 tuổi.

Lời giải

Tổng số tuổi của cô giáo và 29 học sinh là $12 \times 30 = 360$ (tuổi).

Nếu cô giáo bớt đi 30 tuổi thì số tuổi còn lại của cô giáo chính bằng trung bình cộng của 29 học sinh.

Lúc này, tổng số tuổi của cô giáo và 29 học sinh là: $360 - 30 = 330$ (tuổi)

Số tuổi của 1 em học sinh là: $330 : 30 = 11$ (tuổi)

Số tuổi của cô giáo là: $11 + 30 = 41$ (tuổi)

Chọn A.

Câu 20. Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh bằng 2,6dm là

- A. $6,76 \text{ dm}^3$. B. $40,56 \text{ dm}^3$. C. 17576 dm^3 . D. $17,576 \text{ dm}^3$.

Lời giải

Thể tích của hình lập phương là $2,6 \times 2,6 \times 2,6 = 17,576 (\text{dm}^3)$.

Chọn D.

Câu 21. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 560m, chiều rộng bằng 250m. Tính chu vi của mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000.

- A. 0,81m. B. 0,162m. C. 162cm. D. 81cm.

Lời giải

Chu vi mảnh đất thực tế là $2 \times (560 + 250) = 1620 (\text{m})$.

Chu vi mảnh đất trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 là $1620 : 1000 = 1,62 (\text{m}) = 162 (\text{cm})$.

Chọn C.

Câu 22. Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số, số đó thay đổi như thế nào?

- A. gấp 100 lần. B. gấp 10 lần. C. giảm 100 lần. D. giảm 10 lần.

Lời giải

Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số, số đó giảm đi 10 lần.

Chọn D.

Câu 23. Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là

- A. 3,046. B. 0,346. C. 3,406. D. 3,46.

Lời giải

Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là 3,406.

Chọn C.

Câu 24. Tìm x , biết $4 \times x = 7$ giờ 40 phút.

- A. $x = 155$ phút. B. $x = 29$ giờ 40 phút.
C. $x = 1$ giờ 55 phút. D. $x = 1$ giờ 15 phút.

Lời giải

Đổi 7 giờ 40 phút = 460 phút.

Suy ra $x = 460 : 4 = 115$ phút = 1 giờ 55 phút.

Chọn C.

Câu 25. Một người thợ may 5 cái quần hết 4 giờ và may 5 cái áo hết 3 giờ 20 phút. Thời gian trung bình để may mỗi bộ quần áo như vậy là

- A. 44 phút. B. 7 giờ 20 phút. C. 1 giờ 28 phút. D. 1 giờ 4 phút.

Lời giải

Thời gian trung bình để may 1 cái quần là $4 : 5 = 0,8$ giờ = 48 phút.

Đổi 3 giờ 20 phút = 200 phút.

Thời gian trung bình để may 1 cái áo là $200 : 5 = 40$ (phút).

Thời gian trung bình để may một bộ quần áo là $48 + 40 = 88$ (phút) = 1 giờ 28 phút.

Chọn C.

Câu 26. Đổi $50\,326\text{m}^2 = \dots \text{ha} \dots \text{m}^2$, ta được kết quả là

- A. $503\text{ha} \, 26\text{m}^2$. B. $5\text{ha} \, 326\text{m}^2$. C. $5\text{ha} \, 3260\text{m}^2$. D. $50\text{ha} \, 326\text{m}^2$.

Lời giải

Ta có $50\,326\text{m}^2 = 5 \text{ ha} \, 326 \text{ m}^2$.

Chọn B.

Câu 27. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $276 \text{ phút} = \dots \text{giờ}$ là

- A. 4,06. B. 16560. C. 2,36. D. 4,6.

Lời giải

Ta có $276 \text{ phút} = 4,6 \text{ giờ}$.

Chọn D.

Câu 28. Dãy số thập phân nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

- A. 9,697; 9,769; 9,796; 9,976. B. 8,697; 8,769; 8,976; 8,967.
C. 13,097; 13,079; 13,907; 13,709. D. 45,326; 45,336; 43,999; 46,73.

Lời giải

Dãy số thập phân được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là 9,697; 9,769; 9,796; 9,976.

Chọn A.

Câu 29. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài, chiều rộng, chiều cao lần lượt là 4,5 cm; 3,5 cm; 2,8 cm.

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là

- A. $76,3\text{cm}^2$. B. $44,8\text{cm}^2$. C. $31,5\text{cm}^2$. D. $22,4\text{cm}^2$.

Lời giải

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là $2 \times (4,5 + 3,5) \times 2,8 = 44,8 \text{ (cm}^2\text{)}$.

Chọn B.

Câu 30. Phân số $\frac{18}{7}$ bằng hỗn số nào dưới đây?

- A. $2\frac{4}{7}$. B. $1\frac{1}{7}$. C. $2\frac{3}{7}$. D. $2\frac{2}{7}$.

Lời giải

Ta có $\frac{18}{7} = \frac{14+4}{7} = 2\frac{4}{7}$.

Chọn A.

Câu 31. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $\frac{2}{5}\text{km} = \dots\text{m}$ là

- A. 40. B. 400. C. 0,4. D. 25.

Lời giải

Ta có $\frac{2}{5}\text{km} = 400\text{m}$.

Chọn B.

Câu 32. 250% bằng

- A. $\frac{25}{1000}$. B. $\frac{25}{100}$. C. $2\frac{1}{20}$. D. $2\frac{1}{2}$.

Lời giải

$$\text{Ta có } 250\% = \frac{250}{100} = \frac{5}{2} = 2\frac{1}{2}.$$

Chọn D.

Câu 33. Biết $\frac{2}{5}$ chiều dài của một mảnh đất hình chữ nhật là 10m, chiều dài hơn chiều rộng 7m. Diện tích của hình chữ nhật đó là

- A. 450m². B. 44m². C. 800m². D. 28m².

Lời giải

$$\text{Chiều dài hình chữ nhật là } 10 : \frac{2}{5} = 25 \text{ (m)}.$$

$$\text{Chiều rộng hình chữ nhật là } 25 - 7 = 18 \text{ (m)}.$$

$$\text{Diện tích của hình chữ nhật là } 25 \times 18 = 450 \text{ (m}^2\text{)}.$$

Chọn A.

Câu 34. Biết 12 người làm xong một công việc trong 8 ngày. Hỏi muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày cần bao nhiêu người? (mức làm của mỗi người như nhau)

- A. 24 ngày. B. 6 ngày. C. 6 người. D. 24 người.

Lời giải

$$\text{Muốn làm xong công việc trong 1 ngày cần số người là } 12 \times 8 = 96 \text{ (người)}.$$

$$\text{Muốn làm xong công việc trong 4 ngày cần số người là } 96 : 4 = 24 \text{ (người)}.$$

Chọn D.

Câu 35. Phát biểu nào dưới đây **sai**?

- A. Mọi phân số có tử số bằng mẫu số đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
B. Mọi phân số có mẫu số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
C. Mọi phân số có tử số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
D. Phân số có tử số bằng 0 nhận giá trị bằng 0.

Lời giải

$$\text{Phát biểu sai là C. Ví dụ: } \frac{1}{2}.$$

Chọn C.

Câu 36. Một vận động viên chạy được 576m trong 1 phút 36 giây. Vận tốc chạy của vận động viên đó là

- A. 6m. B. 6 m/phút. C. 6 m/giây. D. 6 km/giờ.

Lời giải

$$\text{Đổi 1 phút 36 giây} = 96 \text{ giây}.$$

$$\text{Vận tốc chạy của vận động viên đó là } 576 : 96 = 6 \text{ (m/giây)}.$$

Chọn C.

Câu 37. Mua 12 chiếc bút chì phải trả 54 000 đồng. Mua 5 chiếc bút chì như vậy phải trả số tiền là

A. 22500 đồng. B. 20500 đồng. C. 27000 đồng. D. 45000 đồng.

Lời giải

Mua 5 chiếc bút chì phải trả số tiền là $54\,000 : 12 \times 5 = 22500$ (đồng).

Chọn A.

Câu 38. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 2,4m, chiều rộng bằng 1,5m, chiều cao bằng 1,2m. Khi bể chứa đầy nước, người ta tháo ra $1,5\text{m}^3$ nước. Hỏi sau khi tháo, trong bể còn lại bao nhiêu mét khối nước?

A. $2,82\text{dm}^3$. B. $2,82\text{m}^3$. C. $4,32\text{m}^3$. D. $5,82\text{m}^3$.

Lời giải

Thể tích của bể là $2,4 \times 1,5 \times 1,2 = 4,32$ (m^3).

Sau khi tháo, trong bể còn lại số mét khối nước là $4,32 - 1,5 = 2,82$ (m^3).

Chọn B.

Câu 39. Năm nay mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi 10 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

A. 48 tuổi. B. 28 tuổi. C. 18 tuổi. D. 38 tuổi.

Lời giải

Mỗi năm mẹ tăng 1 tuổi thì con cũng tăng 1 tuổi nên hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian.

Vậy sau 10 năm nữa mẹ hơn con 28 tuổi.

Chọn B.

Câu 40. Số thập phân 0,36 viết thành phân số tối giản là

A. $\frac{18}{5}$. B. $\frac{18}{50}$. C. $\frac{9}{25}$. D. $\frac{9}{20}$.

Lời giải

Ta có $0,36 = \frac{36}{100} = \frac{9}{25}$.

Chọn C.

----- HẾT -----